

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN-Bổ sung**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**  
**(ÁP DỤNG CHO NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH)**

**I. Thông tin chung**

|   |  |                                |      |
|---|--|--------------------------------|------|
| Tên học phần:                                     | Kế toán quản trị                       |                                |      |
| Mã học phần:                                      | 71ACCT30042                            | Số tin chỉ:                    | 2    |
| Mã nhóm lớp học phần:                             | 232-71ACCT30042-02                     |                                |      |
| Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b> | Thời gian làm bài:                     | <b>75</b>                      | phút |
| <i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>          | <input checked="" type="checkbox"/> Có | <input type="checkbox"/> Không |      |

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO   | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số     | Điểm số tối đa                      | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|-------------|--|--------------------|--|--------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| (1)         | (2)  | (3)                | (4)  | (5)                | (6)                                 | (7)                                 |
| <b>CLO1</b> | Phân loại được các loại chi phí trong doanh nghiệp phục vụ cho việc ra quyết định kế toán quản trị   | Trắc Nghiệm        | 25%  | Câu 6,7,8,9,10     | 0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75) | PI3.1                               |
| <b>CLO2</b> | Vận dụng mối quan hệ giữa chi phí- khối lượng- lợi nhuận vào từng trường hợp cụ thể.                 | Trắc Nghiệm        | 10%  | Câu 11,12,13,14,15 | 0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75) | PI3.1                               |
| <b>CLO3</b> | Lập được báo cáo kết quả kinh doanh dưới dạng số dư đảm phí, báo cáo về dự toán ngân sách phục vụ ra | Trắc Nghiệm        | 20%  | Câu 16,17,18,19,20 | 0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75) | PI3.1                               |
|             |  | Tự luận            | 40%  | Câu 21             | 3 điểm                              | PI3.1                               |

|             |   |             |    |               |                                     |       |
|-------------|---|-------------|----|---------------|-------------------------------------|-------|
|             | quyết định quản trị một cách độc lập.     |             |    |               |                                     |       |
| <b>CLO5</b> | Thích ứng với định hướng học tập suốt đời | Trắc Nghiệm | 5% | Câu 1,2,3,4,5 | 0.35đ/câu (tổng điểm 5 câu là 1.75) | PI9.1 |

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### PHẦN TRẮC NGHIỆM 20 câu (7 điểm- 0.35điểm/câu)

##### Câu 1

Báo cáo Kế toán quản trị được soạn thảo nhằm

- A. Đáp ứng các nhu cầu của các cấp quản trị ở bên trong tổ chức
- B. Đáp ứng các nhu cầu của các cơ quan thuế
- C. Đáp ứng các nhu cầu của các cổ đông khi họ cần
- D. Đáp ứng các nhu cầu của khách hàng

ANSWER: A

##### Câu 2:

Điểm nào sau đây là đặc điểm của báo cáo Kế toán quản trị

- A. Báo cáo phân tích chi tiết và cung cấp thông tin nhiều hơn
- B. Báo cáo được lập ra theo yêu cầu cơ quan thuế
- C. Thông tin được cung cấp với độ chính xác tuyệt đối
- D. Là các báo cáo tổng hợp có phạm vi toàn bộ tổ chức

ANSWER: A

##### Câu 3

Đặc điểm nào trong các đặc điểm dưới đây là đặc điểm của hệ thống báo cáo KTQT?

- A. Không có những nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ
- B. Là các báo cáo tổng hợp có phạm vi toàn bộ tổ chức
- C. Có tính lịch sử
- D. Đối tượng sử dụng là cổ đông, chủ nợ và cơ quan thuế

ANSWER: A

##### Câu 4

Chức năng nào trong các chức năng dưới đây không là chức năng của hệ thống KTTC?

- A. Kiểm soát quản lý
- B. Định khoản nghiệp vụ phát sinh trong kỳ
- C. Tính khấu hao cho tài sản
- D. Lập báo cáo tài chính công bố cho cơ quan thuế

ANSWER: A

##### Câu 5:

Người nào sau đây có khả năng nhiều nhất **CHỈ** sử dụng thông tin kế toán tài chính:

- A. Cổ đông
- B. Quản đốc phân xưởng

- C. Giám đốc công ty
- D. Trưởng phòng từng bộ phận

ANSWER: A

### Câu 6

Trong một doanh nghiệp, chi phí bảo trì máy móc bao gồm chi phí cố định là 6.000.000đ và chi phí biến đổi phụ thuộc vào số giờ máy chạy (X) với mỗi giờ có chi phí bảo trì là 2.500đ. Hãy viết phương trình chi phí bảo trì thể hiện mối quan hệ giữa chi phí và mức độ hoạt động?

- A.  $Y = 2.500 \cdot X + 6.000.000$
- B.  $Y = 2.500 \cdot X$
- C.  $Y = 6.000.000 \cdot X + 2.500$
- D.  $Y = 6.002.500$

ANSWER: A

### Câu 7:

Chi phí thuê tiền điện thắp sáng trong phân xưởng được xếp vào loại

- A. Chi phí sản xuất chung
- B. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D. Chi phí nhân công trực tiếp

ANSWER: A

### Câu 8:

Chi phí trả lương cho nhân viên bảo vệ ở văn phòng của công ty được xem là:

- A. Định phí quản lý doanh nghiệp
- B. Định phí sản xuất chung
- C. Chi phí hỗn hợp
- D. Biến phí quản lý doanh nghiệp

ANSWER: A

### Câu 9

Chi phí sản xuất chung mỗi tháng tại doanh nghiệp X được khái quát theo hàm số  $y = 500X + 14.000.000$  với X là số giờ máy hoạt động trong tháng. Hãy xác định tổng chi phí sản xuất chung phát sinh trong tháng tại mức hoạt động 5.000 giờ máy?

- A. 16.500.000đ
- B. 2.500.000đ
- C. 14.500.000đ
- D. Đáp án khác

ANSWER: A

### Câu 10

Tại công ty ABC có các dữ liệu như sau:

| Tổng chi phí | Tổng số lượng sản phẩm |          |
|--------------|------------------------|----------|
| \$ 45.500    | 1.000                  | sản phẩm |
| \$ 50.000    | 1.200                  | sản phẩm |
| \$ 55.750    | 1.500                  | sản phẩm |

Dùng phương pháp cực đại cực tiểu, hãy cho biết định phí trong kỳ là bao nhiêu?

- A. \$ 25.000
- B. \$ 24.000
- C. \$ 20.500
- D. Tất cả đều sai

ANSWER: A

### Câu 11

Với định phí là \$ 25.000 và biến phí cho 1 sản phẩm là \$10/sản phẩm và mỗi sản phẩm được bán với giá bán là \$18/sản phẩm.

Tính sản lượng hòa vốn của công ty

- A. 3.125 sản phẩm
- B. 2.500 sản phẩm
- C. 1.389 sản phẩm
- D. 1.250 sản phẩm

ANSWER: A

### Câu 12

Sản lượng để đạt lợi nhuận mong muốn được xác định bằng cách lấy định phí cộng với lợi nhuận chia cho chỉ tiêu nào?

- A. Số dư đảm phí đơn vị
- B. Tỷ lệ số dư đảm phí đơn vị
- C. Tỷ lệ số dư đảm phí
- D. Biến phí đơn vị

ANSWER: A

### Câu 13

Công ty Bear chuyên sản xuất và bán thú nhồi bông. Một sản phẩm được bán với giá 25 USD/con thú nhồi bông. Công ty Bear có tổng định phí là 150.000 USD mỗi tháng và biến phí cho 1 sản phẩm là \$ 10/sản phẩm. Công ty phải sản xuất và bán bao nhiêu con thú nhồi bông mỗi tháng để có lợi nhuận là 30.000 USD?

- A. 12.000 con thú nhồi bông
- B. 10.000 con thú nhồi bông
- C. 6.000 con thú nhồi bông
- D. 4.000 con thú nhồi bông

ANSWER: A

### Câu 14

Doanh nghiệp ABC hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 100.000đ/sp, biến phí đơn vị là 50.000đ/sp và định phí hàng tháng là 250.000.000đ, sản lượng tiêu thụ hiện tại là 4.500sp. Số dư an toàn về mặt số tiền trong trường hợp này là?

- A. 50.000.000 đ
- B. 45.000.000 đ
- C. 5.000.000đ
- D. 40.500.000đ

ANSWER: A

**Câu 15**

Doanh nghiệp X hiện đang kinh doanh sản phẩm A với đơn giá bán là 8.000đ/sp, biến phí đơn vị là 5.000đ/sp và định phí hàng tháng là 22.000.000đ, Nếu công ty tiêu thụ tại mức sản lượng 10.000sp thì độ lớn đòn bẩy kinh doanh là:

- A. 3.75 lần
- B. 3,5 lần
- C. 3.57 lần
- D. 2.5 lần

ANSWER: A

**Câu 16**

Trong một công ty sản xuất, bảng dự toán nào được lập đầu tiên?

- A. Bảng dự toán bán hàng/ doanh thu
- B. Bảng dự toán thu tiền
- C. Bảng dự toán về chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp
- D. Bảng dự toán mua hàng

ANSWER: A

**Câu 17**

Công ty A có số sản phẩm tồn kho đầu tháng 5 là 5.000sp, số lượng sản phẩm tiêu thụ dự kiến trong tháng là 30.000sp. Nhu cầu sản phẩm cần sản xuất trong tháng là bao nhiêu nếu nhu cầu tồn trữ cuối tháng bằng 10% nhu cầu tiêu thụ trong tháng?

- A. 28.000 sản phẩm
- B. 32.000 sản phẩm
- C. 25.000 sản phẩm
- D. 30.000 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 18**

Một công ty đang lập dự toán sản xuất cho sản phẩm A cho năm tới.

Thông tin được cung cấp như sau:

- + Đầu tháng trong kho có: 2.000 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng là: 3.500 sản phẩm
- + Số lượng sản phẩm bán được trong tháng là: 5.000 sản phẩm

Cuối tháng trong kho có:

- A. 500 sản phẩm
- B. 1.000 sản phẩm
- C. 1.200 sản phẩm
- D. 1.500 sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 19**

Một công ty đang chuẩn bị lập dự toán bán hàng cho sản phẩm X cho năm tới. Số sản phẩm dự kiến bán được là 600 sản phẩm. Giá bán là \$15/sản phẩm. Doanh thu được thể hiện trong bảng dự toán bán hàng cho năm tới là:

- A. \$ 9.000
- B. \$ 600
- C. \$ 900
- D. \$ 500

ANSWER: A

### Câu 20

Xem xét các dữ liệu sau đây trong tháng 2 tại 1 công ty:

- + Đầu kỳ: 300 sản phẩm
  - + Cuối kỳ: 400 sản phẩm
  - + Bán: 200 sản phẩm
  - + Một sản phẩm cần dùng: 3,5 kg nguyên vật liệu
  - + Công ty không tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ cho nguyên vật liệu
- Công ty cần mua bao nhiêu kg nguyên vật liệu để phục vụ cho việc sản xuất

- A. 1.050 kg
- B. 300 kg
- C. 350 kg
- D. 450 kg

ANSWER: A

## PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

### Câu 21

Quý 1/2023 công ty Duy Tân bán được 3.500 chiếc tủ, tổng doanh thu bán được là 2.800.000.000 đồng, tổng biến phí là 1.680.000.000 đồng, chi phí cố định là 600.000.000 đồng 1 quý.

#### Yêu cầu:

1. Lập báo cáo kết quả kinh doanh theo hình thức số dư đảm phí (đủ 3 cột: Tổng, ĐV, %). (1 điểm)
2. Xác định sản lượng hòa vốn và doanh thu hòa vốn. (1 điểm)
3. Quý 2/2023 lợi nhuận thay đổi bao nhiêu nếu công ty thay đổi nguyên vật liệu có chất lượng tốt hơn làm tăng biến phí lên 18.000đ/tủ, do đó làm tăng số lượng bán thêm 500 tủ? Công ty có nên thay đổi nguyên vật liệu hay không? (1 điểm)

**ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM**

| <b>Phần câu hỏi</b>   | <b>Nội dung đáp án</b>  | <b>Thang điểm</b> | <b>Ghi chú</b> |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
|-----------------------|---|-------------------|----------------|--------|---|-----------|---------------|---------|------|----------|---------------|---------|-----|---------------|---------------|---------|-----|----------|-------------|--|--|-----------|-------------|--|--|---|--|
| <b>I. Trắc nghiệm</b> |   | <b>7.0</b>        |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Câu 1 – 20            |   | 0.35/câu          |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| <b>II. Tự luận</b>    |   | <b>3.0</b>        |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Nội dung 1            | <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>Tổng</th> <th>Đơn vị</th> <th>%</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Doanh thu</td> <td>2.800.000.000</td> <td>800.000</td> <td>100%</td> </tr> <tr> <td>Biến phí</td> <td>1.680.000.000</td> <td>480.000</td> <td>60%</td> </tr> <tr> <td>Số dư đảm phí</td> <td>1.120.000.000</td> <td>320.000</td> <td>40%</td> </tr> <tr> <td>Định phí</td> <td>600.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận</td> <td>520.000.000</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table> |                   | Tổng           | Đơn vị | % | Doanh thu | 2.800.000.000 | 800.000 | 100% | Biến phí | 1.680.000.000 | 480.000 | 60% | Số dư đảm phí | 1.120.000.000 | 320.000 | 40% | Định phí | 600.000.000 |  |  | Lợi nhuận | 520.000.000 |  |  | 1 |  |
|                       | Tổng  | Đơn vị            | %              |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Doanh thu             | 2.800.000.000   | 800.000           | 100%           |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Biến phí              | 1.680.000.000   | 480.000           | 60%            |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Số dư đảm phí         | 1.120.000.000   | 320.000           | 40%            |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Định phí              | 600.000.000   |                   |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Lợi nhuận             | 520.000.000   |                   |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Nội dung 2.           | <p>Sản lượng hòa vốn = Định phí / số dư đảm phí đơn vị<br/> <math>= 600.000.000/320.000= 1.875</math> (tủ)</p> <p>Doanh thu hòa vốn = sản lượng hòa vốn * giá bán= <math>1.875*800.000</math><br/> <math>= 1.500.000.000</math> đ</p>   | 1                 |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| Nội dung 3            | <p>Khi thay đổi NVL mới làm tăng biến phí đơn vị lên 18.000đ và tăng số lượng bán lên 500 sp.<br/> Ta có phương trình lợi nhuận như sau:<br/> LN = Tổng số dư đảm phí – định phí<br/> <math>= (800.000-480.000-18.000)*(3500+500)-600.000.000</math><br/> <math>= 608.000.000</math> đ</p> <p>Lợi nhuận của phương án thay nguyên vật liệu cao hơn so với LN ban đầu là <math>608.000.000-520.000.000=88.000.000</math>đ. Do đó cty nên thay nguyên vật liệu mới.</p>   | 1                 |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |
| <b>Điểm tổng</b>      |   | <b>10.0</b>       |                |        |   |           |               |         |      |          |               |         |     |               |               |         |     |          |             |  |  |           |             |  |  |   |  |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2024

**Người duyệt đề**

**Giảng viên ra đề**

**TS.Lê Phan Thanh Hòa**

**Th.s Lê Như Hoa**